TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2019/DSPT
Ngày 14 - 10- 2019
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*

NHÂNDANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr
Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương
Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân thụ lý số: 166/2019/TLPT- DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DSST ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng nghị và bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 214/2019/QĐPT-DS ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Phan Văn M, Sinh năm 1960 - vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Văn M: Bà Cao Thị X, sinh năm 1961 (vợ ông M); Địa chỉ: Thôn M, xã W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

2**. Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1960 - vắng mặt;

Người đại diện theo pháp luật của ông Nguyễn Thành Đ: Bà Võ Thị Thanh H (Vợ ông Đ); Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Cao Thị X, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn M, xã W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - có mặt;

- Bà Bà Võ Thị Thanh H; Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - có mặt;

- Anh Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 1990 - có mặt;

- Anh Nguyễn Thành Đ2, sinh năm 1991 - có mặt;

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1995 - có mặt;

- Anh Nguyễn Thành Đ3, sinh năm 1994 - có mặt;

Cùng trú tại: Thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng nghị, kháng cáo: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị; người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Thành Đ là bà Võ Thị Thanh H kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị X trình bày:

Vào ngày 05 tháng 5 năm 2005 (âm lịch), ông Phan Văn M có nhận chuyển nhượng của gia đình ông Nguyễn Thành Đ một thửa đất với diện tích 4.200 m^2 (có chiều rộng 30 mét, chiều dài 140 mét) tại thôn S xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá thỏa thuận là 12.600.000 đồng, việc mua bán giữa hai bên được viết bằng giấy tay, trong giấy bán đất có chữ ký của bà Võ Thị Thanh H, nhưng thực tế thì bà H không ký vào giấy bán đất và bà H cùng gia đình có biết ông Đ bán đất cho ông M, ông M đã giao đủ tiền số tiền mua đất cho ông Đ. Tứ cận mảnh đất thể hiện có phía đông giáp đất ông Đ; phía tây tiếp giáp đất gia đình ông Đ; phía nam giáp đất ông M; phía bắc giáp đường đi vào xã W. Sau khi nhận sang nhượng thì ông Đ không hợp tác để làm thủ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M và hai bên xảy ra tranh chấp đối với diện tích đất nói trên. Vì vậy, ông M yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, buộc ông Đ và bà H phải bồi thường giá trị đất tại thời điểm hiện nay theo giá thị trường.

Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh trình bày:

Vào năm 2005 ông Đ có sang nhượng cho ông M một lô đất có diện tích 4.200 m^2 với giá 12.600.000 đồng, lô đất có tứ cận: Phía đông giáp đất ông Đ; phía tây giáp đất gia đình ông Đ và bà Hoa; phía nam giáp đất ông M; phía bắc giáp đường đi vào xã W. Tuy nhiên, việc sang nhượng lô đất này bà H và các con không biết, chữ ký trong giấy bán đất vào năm 2005 cho ông M không phải chữ ký của bà H. Lô đất này của gia đình bà H và ông Đ sử dụng từ năm 2005 cho đến nay không có tranh chấp với ai và nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà, nhưng đến tháng 02 năm 2017 khi gia đình ông M đến đóng cọc lô đất trên thì gia đình bà H mới biết là ông Đ đã bán cho ông M. Vì vậy, bà H chỉ chấp nhận trả lại số tiền mà ông Đ đã nhận của ông M là 12.600.000 đồng và không đồng ý bồi thường giá trị lô đất theo giá thị trường hiện nay cho ông M.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành Đ1, anh Nguyễn Thành Đ2, anh Nguyễn Thành Đ3 và chị Nguyễn Thị C đều trình bày:

Anh Đ1, anh Đ2, anh Đ3 và chị C là con chung của ông Đ, bà H. Vào ngày 22 tháng 02 năm 2017 ông Phan Văn M cho người vào đóng cọc trong khu đất mà gia đình anh chị đang canh tác và sử dụng. Việc mua bán đất giữa bố anh chị là ông Đ với ông M thì gia đình không biết, ông Đ không đem số tiền đó về sử dụng chi tiêu trong gia đình. Do đó, việc mua bán đất giữa ông M và ông Đ là trái với quy định pháp luật và gây thiệt cho gia đình anh chị. Hiện nay, ông Đ không còn minh mẫn để tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp của các bên. Nay ông M khởi kiện thì gia đình anh chị sẽ trả lại số tiền mà ông Đ đã nhận của ông M và đề nghị ông M phải đền bù thiệt hại cho gia đình trong những năm qua vì không canh tác được lô đất, nên gia đình sẽ trả lại số tiền 12.600.000 đồng cho ông M. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông M thì gia đình không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, Điều 123, Điều 128 và khoản 2 Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 106 và điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 29, khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điểm c.1, c.2, c.3 tiểu mục 2.3 mục 2 Nghị quyết số 02/2004/NQ -HĐTP, ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 và điểm a, b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được ký kết vào ngày 05 tháng 5 năm 2005 (âm lịch) giữa ông Nguyễn Thành Đ với ông Phan Văn M là vô hiệu.

1. Buộc ông Phan Văn M và bà Cao Thị X phải trả lại diện tích đất 3775,5 m^2 tại thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cho hộ ông Nguyễn Thành Đ và bà Võ Thị Thanh H. Thửa đất có vị trí tứ cận: Phía đông tiếp giáp đất của gia đình ông Trần Kim Đ có cạnh dài 125,68 mét; phía tây giáp đất của gia đình ông Đ và bà H có cạnh dài 129,08 mét; phía nam giáp đất ông M có cạnh dài 30 mét; phía bắc giáp đường đi vào xã W có cạnh dài 30 mét, trên diện tích đất có 32 cây điều thường trồng năm 2000 và 01 cây bời lời.

2. Buộc ông Nguyễn Thành Đ phải hoàn trả lại cho ông Phan Văn M số tiền 12.600.000 (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Buộc ông Nguyễn Thành Đ phải bồi thường cho vợ chồng ông Phan Văn M và bà Cao Thị X số tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường chuyển nhượng tại địa phương vào thời điểm xét xử sơ thẩm 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả đối với số tiền nói trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 15.000.000 đồng án phí sơ thẩm có giá nghạch và 300.000 đồng án phí sơ thẩm không có giá nghạch. Trả lại 300.000 đồng cho ông Phan Văn M tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết về chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Quyết định kháng nghị số 676/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tính lại án phí dân sự sơ thẩm, xác định lại người có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã nhận chuyển nhượng đất, người phải chịu án phí và tính lại số tiền chênh lệch theo giá thị trường, đồng thời Bản án sơ thẩm buộc ông M, bà X trả lại đất cho ông Đ, bà H là không đúng.

Ngày 15/7/2019, người đại diện theo pháp luật và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh H kháng cáo không đồng ý bồi thường số tiền 300.000.000 đồng cho ông Phan Văn M và chỉ chấp nhận trả lại cho ông M số tiền bán đất đã nhận là 12.600.000 đồng cùng với số tiền lãi suất phát sinh theo mức lãi suất theo ngân hàng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện; Bà Võ Thị Thanh H giữ nguyên nội dung kháng cáo; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua phân tích, đánh giá lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk xác định đơn kháng cáo của bà Võ Thị Thanh H là không có căn cứ để chấp nhận, đối với Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị là sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên là vô hiệu; không buộc ông M, bà X phải trả lại đất cho ông Đ, bà H; buộc bà H có

nghĩa vụ trả cho ông M, bà X tổng cộng là 306.300.000 đồng và bà H phải chịu số tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

Xét kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, thì thấy:

[1] Năm 2005 ông Phan Văn M nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành Đ 01 thửa đất có diện tích 4.200m^2 (30m x140m) tại xã C, huyện E, với giá 12.600.000 đồng, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi chuyển nhượng 2 bên có lập giấy bán đất nhưng chưa được chính quyền địa phương xác nhận, không có chữ ký của vợ ông Đ cũng như các con của ông Đ, ông Đ đã nhận đủ tiền chuyển nhượng nhưng chưa bàn giao thửa đất cho ông M để ông M làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do vi phạm hình thức của hợp đồng, đất chưa đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng và ông Đ chưa bàn giao đất cho ông M, đồng thời gia đình ông Đ cũng đồng ý với yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất vô hiệu của nguyên đơn nên cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được ký kết vào ngày 05 tháng 5 năm 2005 (âm lịch) giữa ông Nguyễn Thành Đ với ông Phan Văn M vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng bị vô hiệu:

[2.1] Về thửa đất chuyển nhượng: Sau khi các bên viết giấy tay chuyển nhượng, ông M đã giao đủ tiền cho ông Đ nhưng ông Đ chưa bàn giao thửa đất cho ông M và hiện nay gia đình ông Đ vẫn đang quản lý, sử dụng thửa đất này. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông M và bà X trả lại diện tích đất 3775,5 m^2 (diện tích thực tế) tại thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cho hộ ông Đ và bà H là không đúng, nên cần sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[2.2] Kết quả định gía của Hội đồng định giá tài sản và theo giá thị trường hiện nay thể hiện tại các biên bản xác minh giá chuyển nhượng đất theo giá thị trường tại xã C, huyện E thì thửa đất đang tranh chấp có giá trị là 600.000.000 đồng, khi thực hiện hợp đồng hai bên đều biết đất chuyển nhượng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là đất thuộc quyền sử dụng chung của vợ chồng ông Đ, bà H nhưng chỉ có một mình ông Đ thực hiện là không đảm bảo các quy định của pháp luật và quyền định đoạt về tài sản của bà H. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định lỗi của các bên dẫn đến hợp đồng bị vô hiệu như nhau, mỗi bên phải chịu thiệt hại một nữa và buộc phía bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền 12.600.000 đồng và số tiền chênh lệch theo giá thị trường hiện nay là có cơ sở. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm buộc ông Đ phải hoàn trả

lại cho ông M số tiền 12.600.000 đồng là tiền chuyển nhượng đất ban đầu và 300.000.000 đồng số tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường là chưa chính xác nên cần tính lại cụ thể như sau: Số tiền 12.600.000 đồng là giá trị thửa đất chuyển nhượng ban đầu và giá trị đất hiện nay theo giá thị trường 600.000.000 đồng - 12.600.000 đồng (giá trị thửa đất chuyển nhượng ban đầu) : 2 (lỗi của mỗi bên như nhau) = 293.700.000 đồng nên cần buộc ông Đ phải thanh toán cho ông M, bà X số tiền 12.600.000 đồng là giá trị thửa đất chuyển nhượng ban đầu và 293.700.000 đồng là giá trị đất hiện nay, tổng cộng là 306.300.000 đồng là phù hợp với quy định các điểm c.1, c.2, c.3 tiểu mục 2.3 mục 2 Nghị quyết số 02/2004/NQ -HĐTP, ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình". Do vậy, cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà H.

[2.3] Theo kết luận giám định pháp y tâm thần số 55/KLGĐTC ngày 04/7/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên kết luận: Ông Nguyễn Thành Đ có tiền sử bị bệnh tăng huyết áp, bị tai biến mạch máu não, bị bệnh rối loạn tâm thần do tổn thương rối loạn chức năng não và rối loạn bệnh lý cơ thể tăng huyết áp, nên hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế năng lực điều khiển hành vi. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/QĐST-DS ngày 07/12/2018 của Toà án nhân dân huyện Ea H’leo đã tuyên bố ông Nguyễn Thành Đ có khó khăn về nhận thức và làm chủ hành vi, đồng thời xác định người đại diện hợp pháp theo pháp luật của ông Nguyễn Thành Đ là bà Võ Thị Thanh H là vợ của ông Đ. Tuy nhiên, do ông Đ là bị đơn trong vụ án nên Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Đ có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho ông M, bà X là phù hợp.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 293.700.000 đồng + 12.600.000 = 306.300.000 đồng x 5% = 15.315.000 đồng án phí có giá ngạch là số tiền bồi thường thiệt hại. Như vậy, ông Đ phải nộp tổng cộng số tiền án phí là 15.625.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị Thanh H;

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DSST ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, Điều 123, Điều 128 và khoản 2 Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 106 và điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 29, khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điểm c.1, c.2, c.3 tiểu mục 2.3 mục 2 Nghị quyết số 02/2004/NQ -HĐTP, ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 và điểm a, b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Văn M.

[1] Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được ký kết vào ngày 05 tháng 5 năm 2005 (âm lịch) giữa ông Nguyễn Thành Đ với ông Phan Văn M là vô hiệu.

[2] Buộc ông Nguyễn Thành Đ phải hoàn trả lại cho vợ chồng ông Phan Văn M, bà Cao Thị X là 12.600.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm ngàn đồng);

Buộc ông Nguyễn Thành Đ phải bồi thường cho vợ chồng ông Phan Văn M, bà Cao Thị X số tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường là 293.700.000 đồng (Hai trăm chín mươi ba trăm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Tổng cộng là 306.300.000 đồng (Ba trăm lẻ sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

[3] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 15.625.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Trả lại cho ông Phan Văn M số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số 0042996, ngày 17 tháng 4 năm 2017.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Trả lại cho bà Võ Thị Thanh H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0000917 ngày 15/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:

- Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mà ông Phan Văn M đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo.

- Buộc ông Nguyễn Thành Đ phải trả lại cho ông Phan Văn M số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Hleo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
-.....;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr